

Bản án số: 49/2017/DS - ST.

Ngày: 31-7-2017.

V/v tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Thanh Bình**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Lưu Thị Tám**;

2. Ông **Trần Xương**.

**- Thư ký phiên tòa:** ông **Lâm Thành Lũy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa:** ông **Dương Thanh Hậu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2017/TLST - DS ngày 17 tháng 02 năm 2017 về việc “Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2017/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2017/QĐST-DS ngày 13/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Dương Thị T1**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2017 của nguyên đơn là bà Phạm Thị T cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà T trình bày:*

Vào tháng 11/2015 bà Dương Thị T1 có vay của T số tiền 39.000.000đồng và 04 chỉ vàng 24K. Ngoài ra bà T có hốt 03 chung hụi với số tiền là 34.800.000đồng do bà Thủy làm chủ hụi. Chân thứ nhất là 6.800.000đồng, chân thứ hai là 18.000.000đồng và

chân thứ ba là 10.000.000đồng. Sau khi hốt hụi xong thì bà T1 đã mượn lại hết số tiền trên của bà T. Đến nay bà T1 chưa trả cho bà T.

Bà T đã yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải, tại cuộc hòa giải ngày 03/01/2017 và ngày 18/01/2017 của Tổ hòa giải ấp M, xã B bà T1 thừa nhận toàn bộ số nợ và xin trả chậm bà T không đồng ý.

Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị T1 trả cho bà T1 tổng số tiền là 73.800.000đồng và 04 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi suất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **1. Về tố tụng:**

Tại phiên tòa bị đơn bà Dương Thị T1 vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã niêm yết hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà T1 theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T1 theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **2. Về nội dung tranh chấp:**

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Dương Thị T1 trả cho bà Thoa số tiền là 73.800.000đồng và 04 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền là 73.800.000đồng và 04 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi suất. Mặc dù bị đơn vắng mặt nhưng nguyên đơn đã cung cấp được bản gốc biên bản hòa giải cơ sở ngày 03/01/2017 của Tổ hòa giải ấp M, xã B nội dung biên bản thể hiện bà T1 trình bày đã thừa nhận toàn bộ số nợ là 73.800.000đồng và 04 chỉ vàng 24K và bà xin trả chậm đến tháng 02 năm 2017 âm lịch trả 01 chỉ vàng 24K còn lại trả dần đến hết nợ và bản gốc biên bản hòa giải cơ sở ngày 18/01/2017 của Tổ hòa giải ấp M, xã B nội dung biên bản thể hiện bà T1 trình bày đã thừa nhận toàn bộ số nợ là 73.800.000đồng và 04 chỉ vàng 24K nhưng bà không có khả năng trả theo yêu cầu của bà T là đến tháng 02 năm 2017 âm lịch trả 04 chỉ vàng 24K còn lại số tiền trả dần mỗi tháng trả 1.000.000đồng đến hết nợ. Tòa án đã sao chụp đơn khởi kiện, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp kèm theo thông báo số 271/2017/TB-TA, ngày 08/6/2017 và đã niêm yết hợp lệ cho bà T1, hết thời hạn ấn định trong thông báo trên nhưng bà T1 không có ý kiến gì, bà cũng không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà trong các biên bản nguyên đơn cung cấp là 02 (hai) biên bản hòa giải ngày 03/01/2017 và ngày 18/01/2017 của Tổ hòa giải ấp M, xã B (bản gốc).

Đối với hai biên bản hòa giải ngày 03/01/2017 và ngày 18/01/2017 của Tổ hòa giải ấp M, xã B nội dung biên bản thể hiện bà T1 trình bày đã thừa nhận toàn bộ số nợ là 73.800.000đồng và 04 chỉ vàng 24K và bà xin trả chậm đến tháng 02 năm 2017 âm lịch trả 01 chỉ vàng 24K còn lại trả dần đến hết và biên bản hòa giải cơ sở ngày

18/01/2017 của Tổ hòa giải ấp M, xã B nội dung biên bản thể hiện bà T trình bày đã thừa nhận toàn bộ số nợ là 73.800.000đồng và 04 chỉ vàng 24K nhưng bà không có khả năng trả theo yêu cầu của bà T là đến tháng 02 năm 2017 âm lịch trả 04 chỉ vàng 24K còn lại số tiền trả dần mỗi tháng trả 1.000.000đồng đến hết nợ. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương gặp trực tiếp ông Trần Văn G là Tổ trưởng Tổ hòa giải của ấp M, xã B và cũng là người chủ trì hai cuộc hòa giải trên khẳng định các cuộc hòa giải được tiến hành công khai, dân chủ đúng thành phần, thời gian và địa điểm ghi trong biên bản và có mặt hai bên đương sự nội dung các bên trình bày đều được thư ký ghi chép đầy đủ, kết thúc biên bản có đọc lại cho tất cả cùng nghe và đồng ý ký tên.

Những chứng cứ trên được công nhận là chứng cứ của vụ án và phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện các đương sự không phải chứng minh do các bên đương sự đã thừa nhận nên Hội đồng xét xử công nhận tình tiết trên là sự thật và xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005 nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Do phía nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền và vàng trên và hiện nay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng và các ngân hàng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng không quy định việc tính lãi suất bằng vàng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về lãi suất đối với phần 04 chỉ vàng 24K.

## **2. Về án phí:**

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tại thời điểm xét xử giá 01 chỉ vàng 24K là 3.470.300đồng. Hội đồng xét xử áp dụng giá trên để tính án phí.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 471 và 474 Bộ luật dân sự 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 5 Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 305, 405, 471, 474 và khoản 2 Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 401 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T.

Buộc bà Dương Thị T1 có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị T số vàng là 04 (bốn) chỉ vàng 24kara và số tiền 73.800.000đồng (bảy mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng). Bà T không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền và vàng trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Phạm Thị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 73.800.000đồng thì hàng tháng Dương Thị T còn phải trả cho bà Phạm Thị T theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Dương Thị T1 phải chịu 4.384.060đồng (bốn triệu ba trăm tám mươi ba nghìn không trăm sáu mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị T không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.175.000đồng (Hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004121 ngày 06/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**\*Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TRẦN THANH BÌNH**